

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày 01 tháng 7 năm 2020
V/việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc.
2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 12/3/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2020; Thông báo số 06/2020/TBB-TA ngày 27/5/2020 thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-KDTM ngày 05/6/2020 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Địa chỉ: Số xyz, THĐ, quận H, thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Lê Đức Th, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền:

Anh Phạm Minh T, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C, chi nhánh T (có mặt).

- Bị đơn: Anh Tô Văn Th1, sinh năm 1977; chị Tạ Thị Ph, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ tại: Thôn Th2, xã TL, huyện T1, tỉnh T.

(anh Th1, chị Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph có vay tiền của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T - Phòng giao dịch T1 theo Hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD ngày 07/10/2016, số tiền vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 07/10/2016); phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 30 cuối tháng; ngày 07/10/2017 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là thanh toán các chi phí kinh doanh mua hàng vải và phụ kiện may mặc. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph trả nợ đúng cam kết, tuy nhiên anh Th1 và chị Ph chưa trả nợ gốc và mới trả được 6.942.000 đồng tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng; tính đến ngày khởi kiện 19/02/2020, anh Th1 và chị Ph còn nợ Ngân hàng số tiền là 495.838.246 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 145.838.246 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, anh Th1 và chị Ph có Th1 chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng Th1 chấp bất động sản số 10-15/HĐTC ngày 24/9/2015 gồm: Quyền sử dụng đất ở diện tích 120m² tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 25 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 2 tầng và công trình khép kín diện tích sàn 171m² nằm trên diện tích đất ở 120m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 019348, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 000730 do UBND huyện T1 cấp ngày 14/9/2015; có địa chỉ tại thôn Th2, xã TL, huyện T1, tỉnh T; chủ sở hữu tài sản là ông Tô Văn Th1. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý; Hợp đồng Th1 chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Về phía bị đơn: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/4/2020, bị đơn là anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph có ý kiến: Vợ chồng anh hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Anh, chị có nguyện vọng trả toàn bộ số tiền nợ gốc trong vòng 05 năm. Về số tiền nợ lãi gia đình anh xin trả sau. Tại phiên hòa giải ngày 11 tháng 5 năm 2020, anh Th1, chị Ph hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Anh, chị có nguyện vọng trả toàn bộ số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong thời gian 01 năm, tuy nhiên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam không đồng ý với phương án trả nợ của anh Th1 và chị Ph.

Ngày 03/6/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, anh Th1, chị Ph không đến tham gia phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 01/7/2020. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th1, chị Ph tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph có vay tiền của Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD ngày 07/10/2016, mục đích vay là thanh toán các chi phí kinh doanh mua hàng vải và phụ kiện may mặc. Anh Th1 và chị Ph đều có địa chỉ tại thôn Th2, xã TL, huyện T1, tỉnh T nên Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý giải quyết vụ kiện về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng. Lĩnh vực hoạt động có hoạt động tín dụng là cho vay. Bị đơn trong vụ án là anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph kinh doanh mặt hàng vải và phụ kiện may mặc. Hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD ngày 07/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T - Phòng giao dịch T1 và anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph ký kết đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP C và anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD ngày 07/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T - Phòng giao dịch T1 và anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph ký kết thì chậm nhất là ngày 07/10/2017, bên vay phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, đến thời hạn trên, anh Th1, chị Ph chưa thanh toán được toàn bộ nợ gốc và mới thanh toán được 6.942.000 đồng tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tuy nhiên anh Th1 và chị Ph thường xuyên vắng mặt tại địa phương: Các Giấy xác nhận người vay không có mặt tại địa phương ngày 22/8/2017, ngày 06/03/2018, ngày 17/9/2018, ngày 11/03/2019. Do quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm, Ngân hàng TMCP C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Tô Văn Th1, chị Tạ Thị Ph; anh Th1, chị Ph đã đến Tòa án và thể hiện quan điểm của mình.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T - Phòng giao dịch T1 và anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph có ký kết Hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD ngày 07/10/2016, số tiền vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 07/10/2016); lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của bên cho vay theo từng thời kỳ, tại thời điểm vay lãi suất áp dụng là 9,5%/năm, được điều chỉnh 01 tháng/lần, ngoài ra trong hợp đồng còn thỏa thuận lãi suất quá hạn; phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 30 cuối tháng; ngày 07/10/2017 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là thanh toán các chi phí kinh doanh mua hàng vải và phụ kiện may mặc.

Việc anh Th1, chị Ph ký kết hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD ngày 07/10/2016 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD là hợp pháp. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph trả nợ đúng cam kết, tuy nhiên anh Th1 và chị Ph chưa trả nợ gốc và mới trả được 6.942.000 đồng tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng. Do anh Th1, chị Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP C khởi kiện anh Th1, chị Ph; tính đến ngày xét xử 01/7/2020, anh Th1 và chị Ph còn nợ Ngân hàng số tiền là 514.263.903 đồng (Năm trăm mười bốn triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm linh ba đồng) trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 164.263.903 đồng.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi: Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi anh Th1 và chị Ph không thực hiện đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận: Buộc anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph phải trả nợ gốc đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 3016/HĐTD ngày 07/10/2016 với số tiền là 350.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng TMCP C yêu cầu anh Th1 và chị Ph phải trả lãi và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 30/12/2016, cụ thể: Tiền lãi trong hạn là 25.860.778 đồng và lãi quá hạn là 138.403.125 đồng, tổng số là 164.263.903 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP C phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5.3] Về yêu cầu xử lý tài sản Th1 chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, anh Th1 và chị Ph có Th1 chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng Th1 chấp bất động sản số 10-15/HĐTC ngày 24/9/2015 gồm: Quyền sử dụng đất ở diện tích 120m² tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 25 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 2 tầng và công trình khép kín diện tích sàn 171m² nằm trên diện tích đất ở 120m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 019348, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 000730 do UBND huyện T1 cấp ngày 14/9/2015; có địa chỉ tại thôn Th2, xã TL, huyện T1, tỉnh T; chủ sở hữu tài sản là ông Tô Văn Th1. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý; Hợp đồng Th1 chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Vì vậy, tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ Ngân hàng. Trong trường hợp anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu phát mại tài sản Th1 chấp theo hợp đồng Th1 chấp đã ký để thu hồi nợ.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2020 xác định tài sản Th1 chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi gì.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Th1 và chị Ph phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Anh Th1 và chị Ph có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

[7] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Anh Th1 và chị Ph phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng),

cụ thể: 20.000.000đồng + (114.263.903đồng x 4%) = 24.570.556 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 306; Điều 319 Luật thương mại. Điều 323, 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph phải trả cho Ngân hàng TMCP C các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Lãi trong hạn: 25.860.778 đồng (Hai mươi năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).
- Lãi quá hạn tính đến ngày 01/7/2020 là: 138.403.125 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm linh ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 01/7/2020 anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph phải trả cho Ngân hàng TMCP C là: 514.263.903 đồng (Năm trăm mười bốn triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm linh ba đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản Th1 chấp của anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph theo Hợp đồng Th1 chấp bất động sản số 10-15/HĐTC ngày 24/9/2015 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất ở diện tích 120m² tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 25 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 2 tầng và công trình khép kín diện tích sàn 171m² nằm trên diện tích đất ở 120m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 019348, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 000730 do UBND huyện T1 cấp ngày 14/9/2015; có địa chỉ tại thôn Th2, xã TL, huyện T1, tỉnh T; chủ sở hữu tài sản là ông Tô Văn Th1.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

4. Về án phí: Anh Tô Văn Th1 và chị Tạ Thị Ph phải chịu số tiền án phí là 24.570.556 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu

đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 11.916.800 đồng (mười một triệu chín trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009440 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1
- Các đương sự
- TAND tỉnh T
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Ngọc Huyền